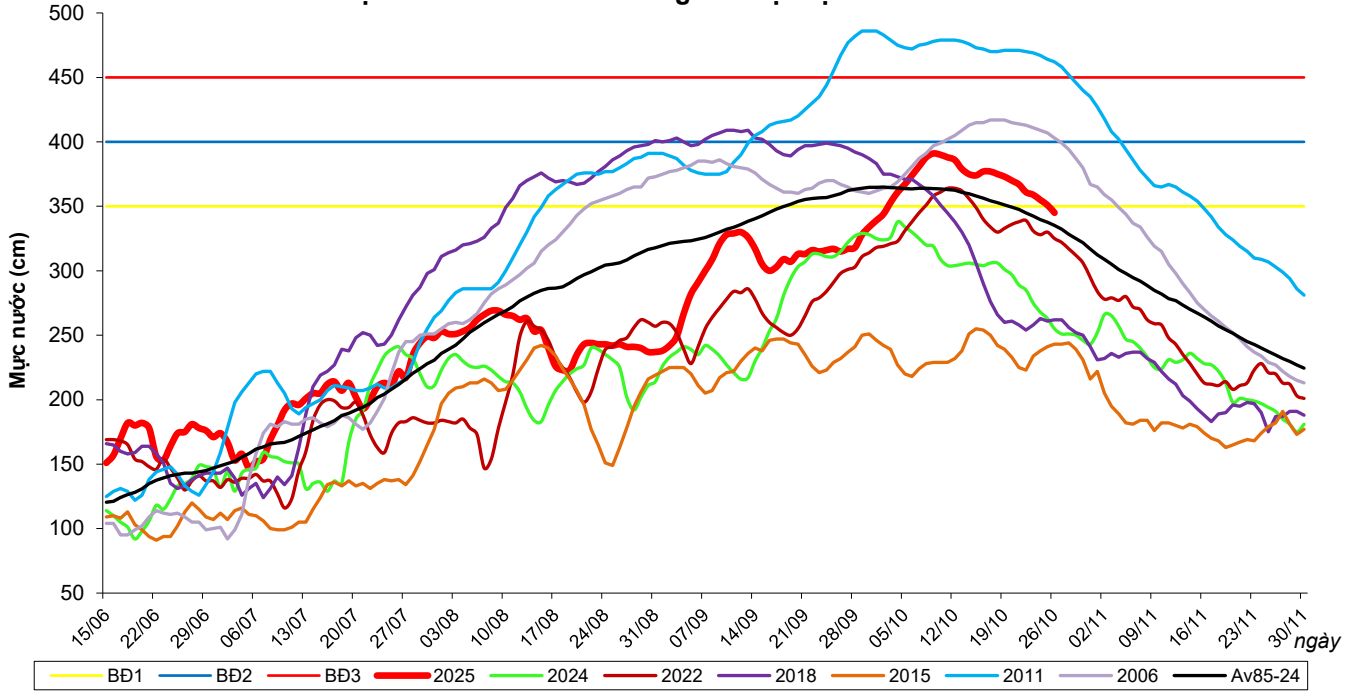


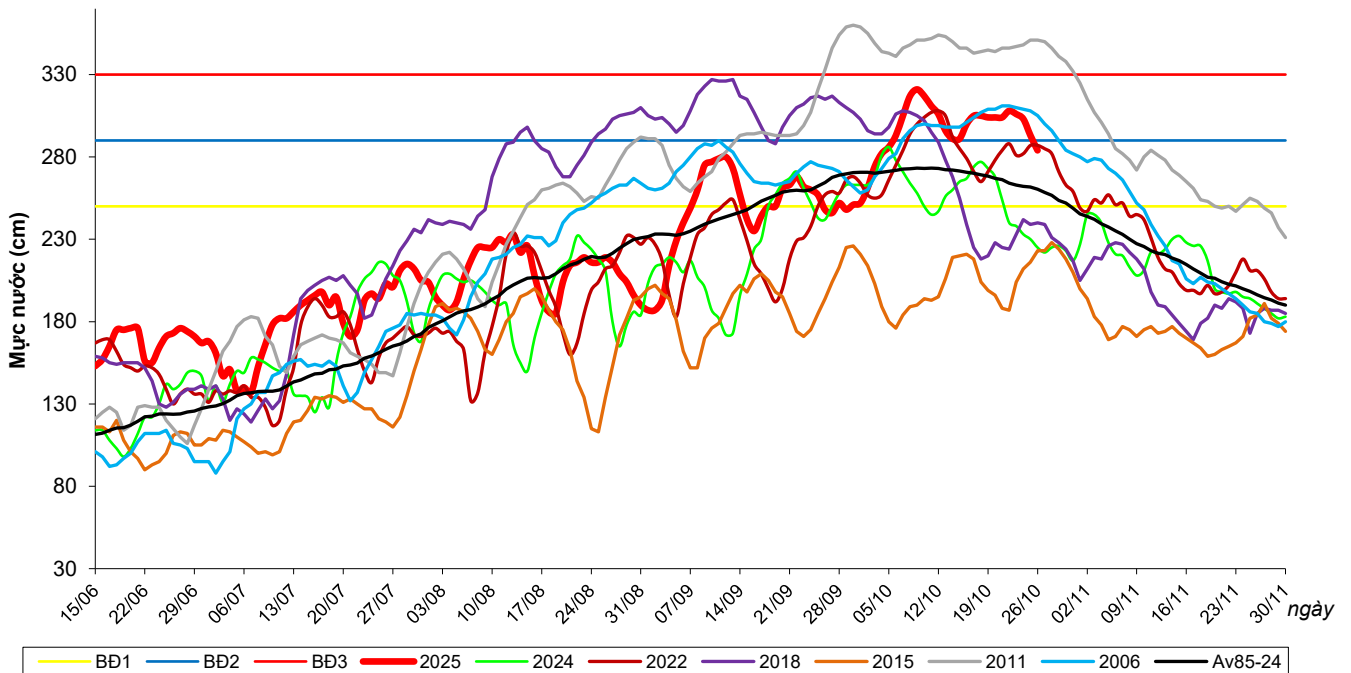
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

BIỂU ĐỒ MỨC NƯỚC CAO NHẤT NGÀY VÀ TBNN CÁC TRẠM THỦY VĂN TỈNH AN GIANG MÙA LŨ (TỪ NGÀY 15/6 ĐẾN NGÀY 30/11/2025)

Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Tiền tại trạm Tân Châu năm 2025

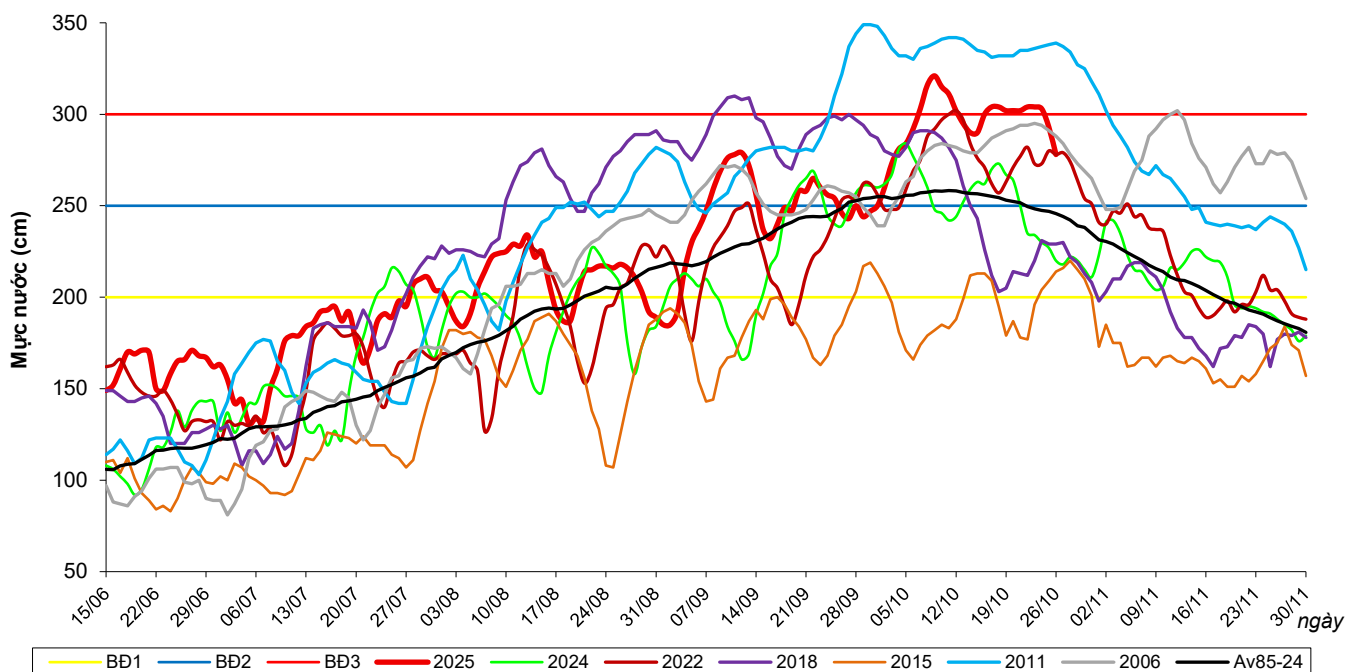


Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Vàm Nao tại trạm Vàm Nao năm 2025



ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên rạch Ông Chương tại trạm Chợ Mới năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 278 cm

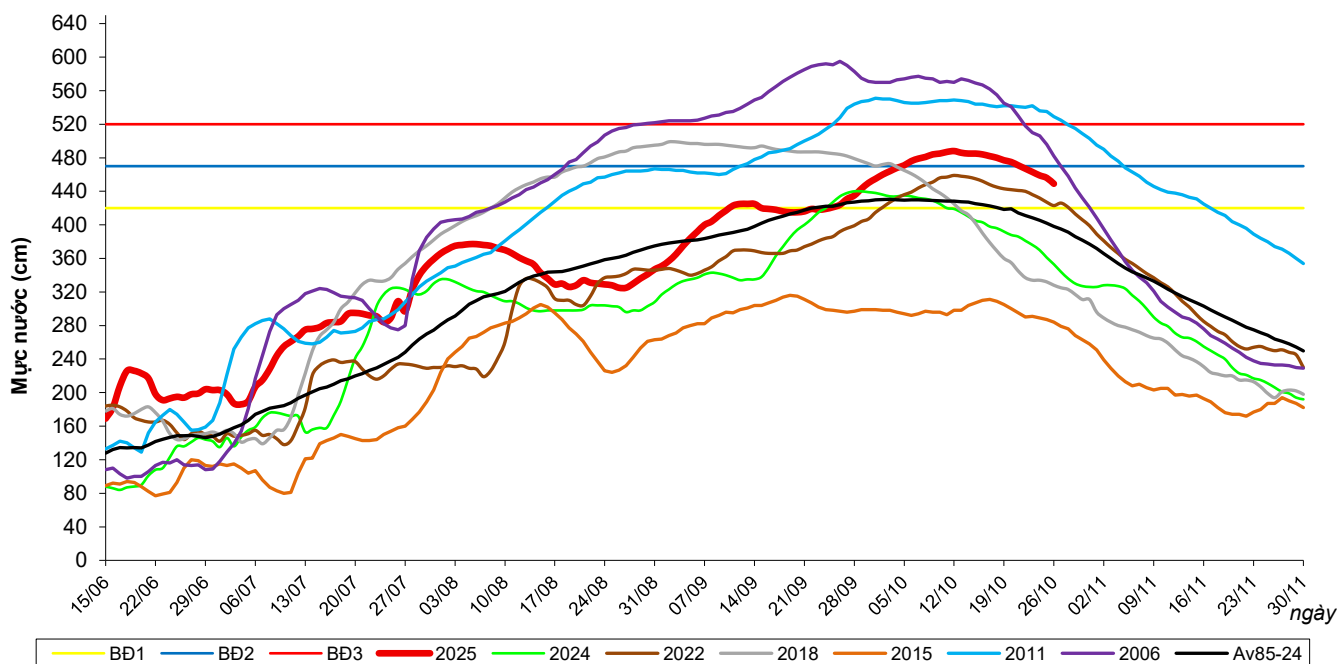
So với cùng kỳ 2024: 58 cm

So với cùng kỳ 2022: 0 cm

So với cùng kỳ 2018: 49 cm

So với TBNN: 32 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Hậu tại trạm Khánh An năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 449

So với cùng kỳ 2024: 96 cm

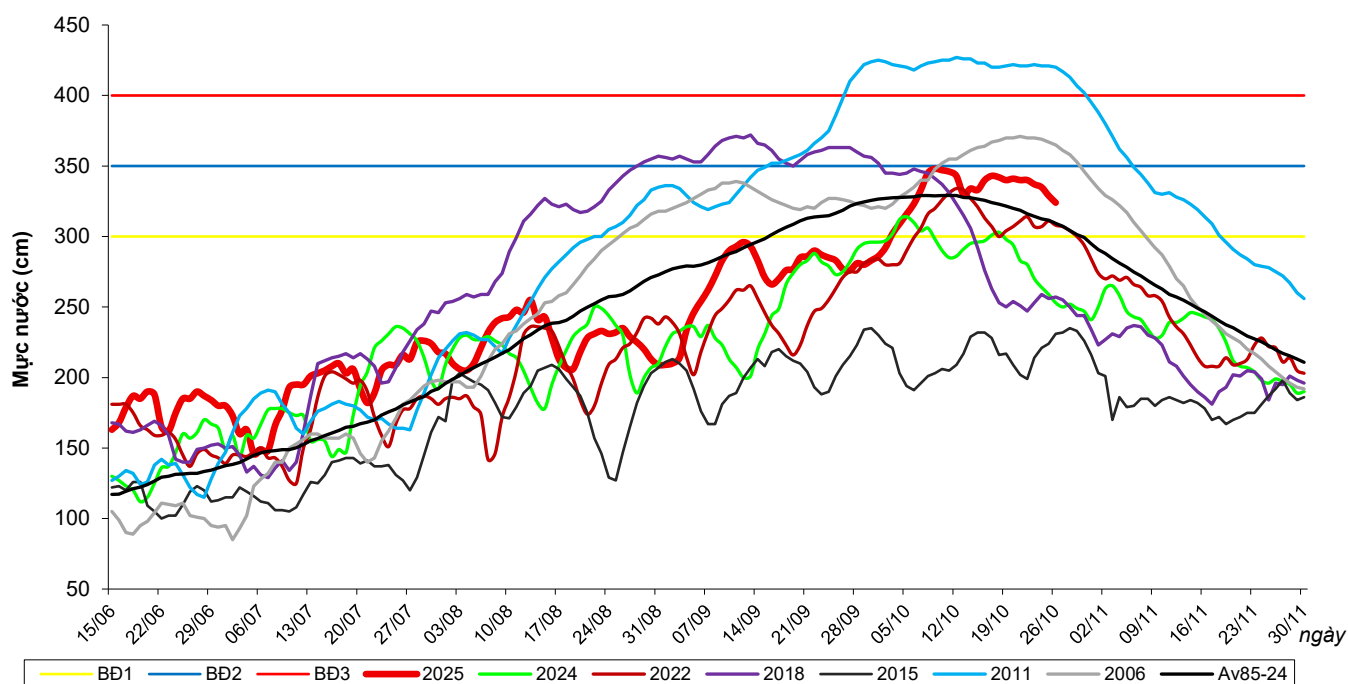
So với cùng kỳ 2022: 26 cm

So với cùng kỳ 2018: 121 cm

So với TBNN: 51 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 324 cm

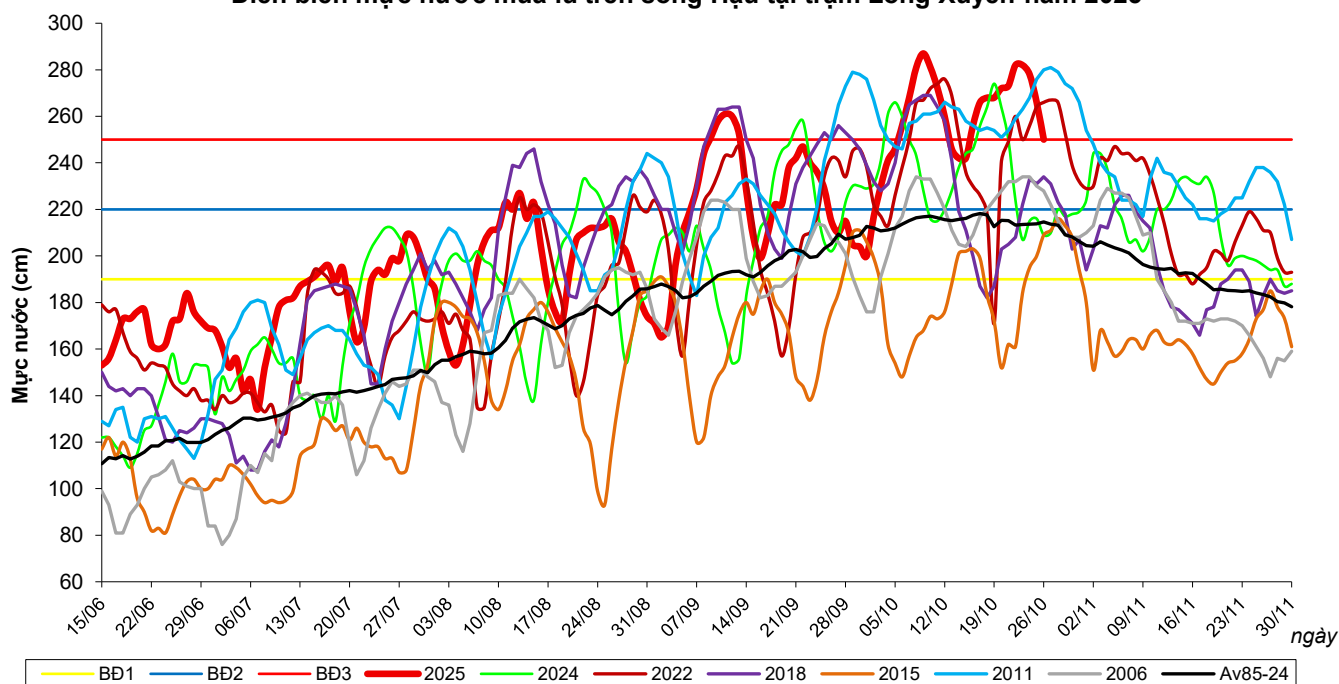
So với cùng kỳ 2024: 71 cm

So với cùng kỳ 2022: 16 cm

So với cùng kỳ 2018: 67 cm

So với TBNN: 15 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Hậu tại trạm Long Xuyên năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 250 cm

So với cùng kỳ 2024: 41 cm

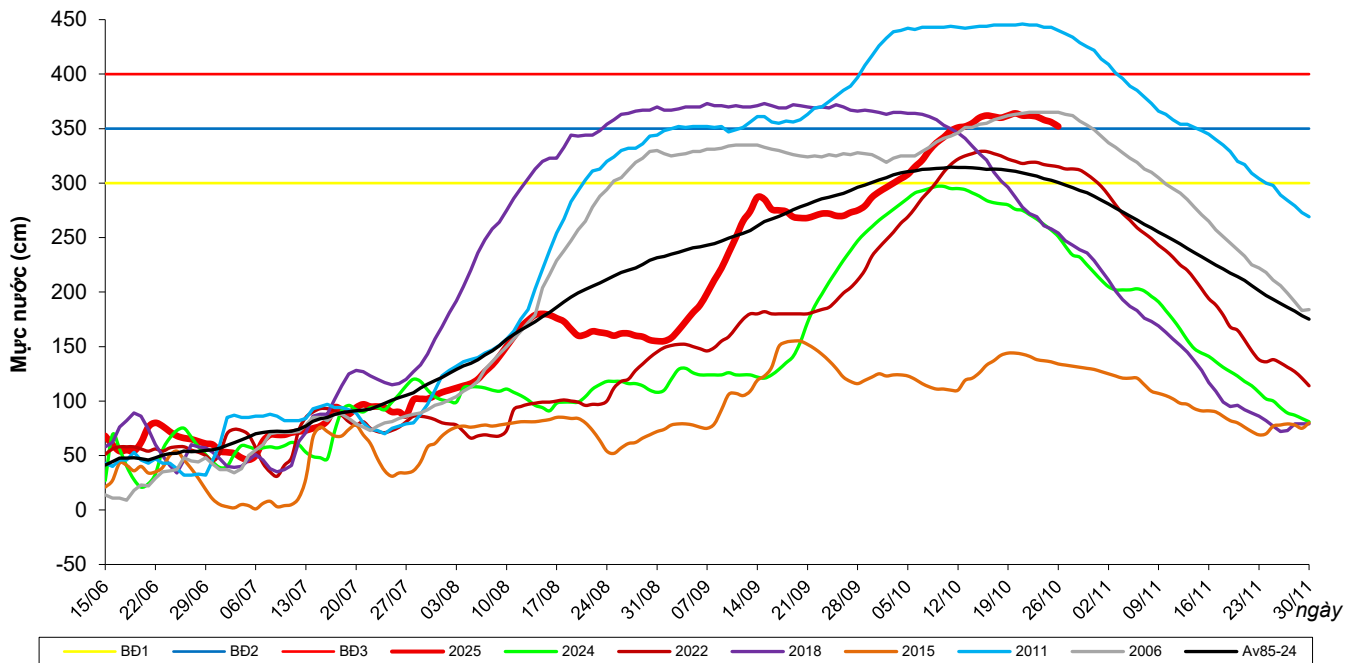
So với cùng kỳ 2022: -16 cm

So với cùng kỳ 2018: 16 cm

So với TBNN: 35 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô năm 2025



Mực nước cao nhất ngày:

26/10 352 cm

So với cùng kỳ 2024:

101 cm

So với cùng kỳ 2022:

37 cm

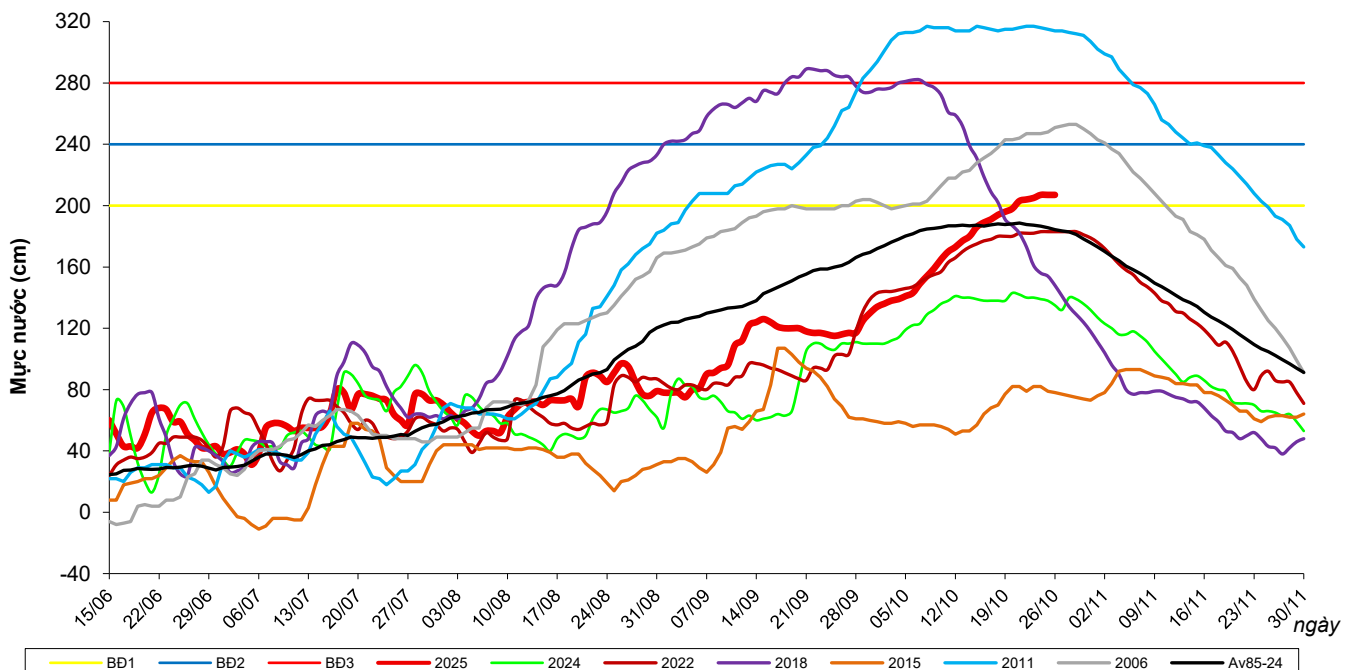
So với cùng kỳ 2018:

98 cm

So với TBNN:

51 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Vĩnh Gia năm 2025



Mực nước cao nhất ngày:

26/10 207 cm

So với cùng kỳ 2024:

72 cm

So với cùng kỳ 2022:

24 cm

So với cùng kỳ 2018:

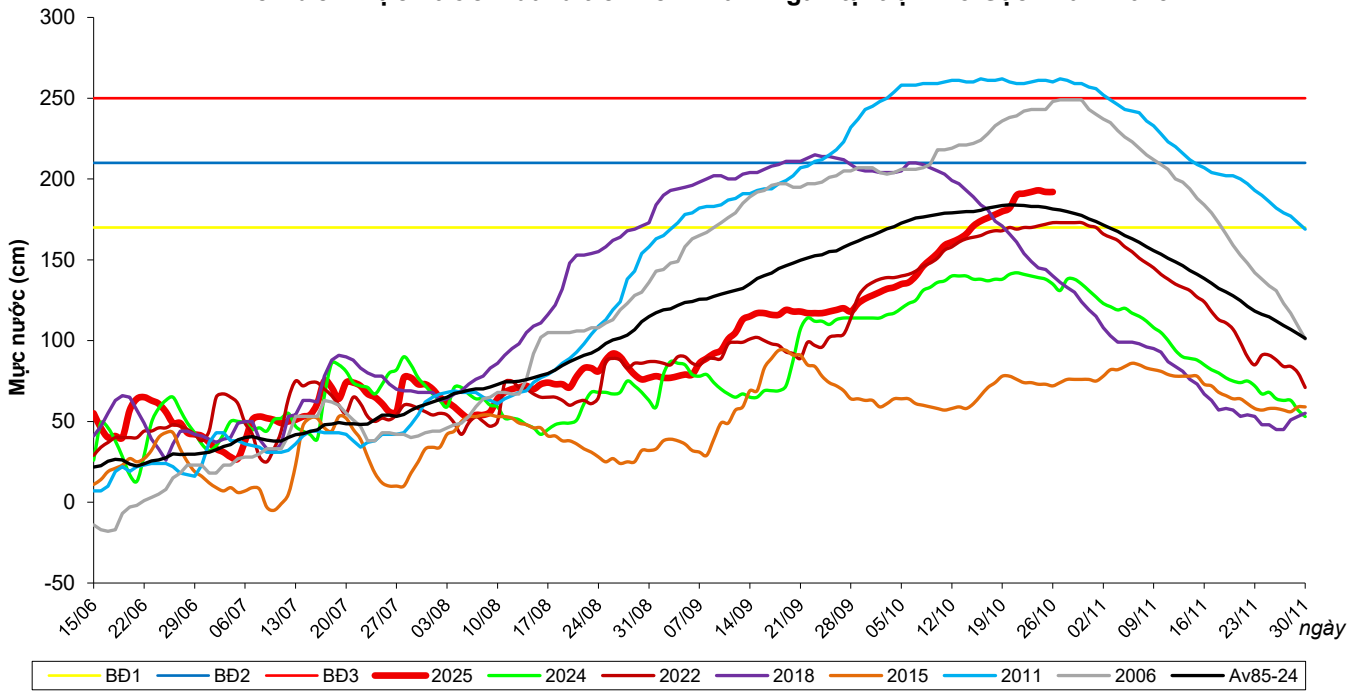
59 cm

So với TBNN:

23 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Tám Ngàn tại trạm Lò Gạch năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 192 cm

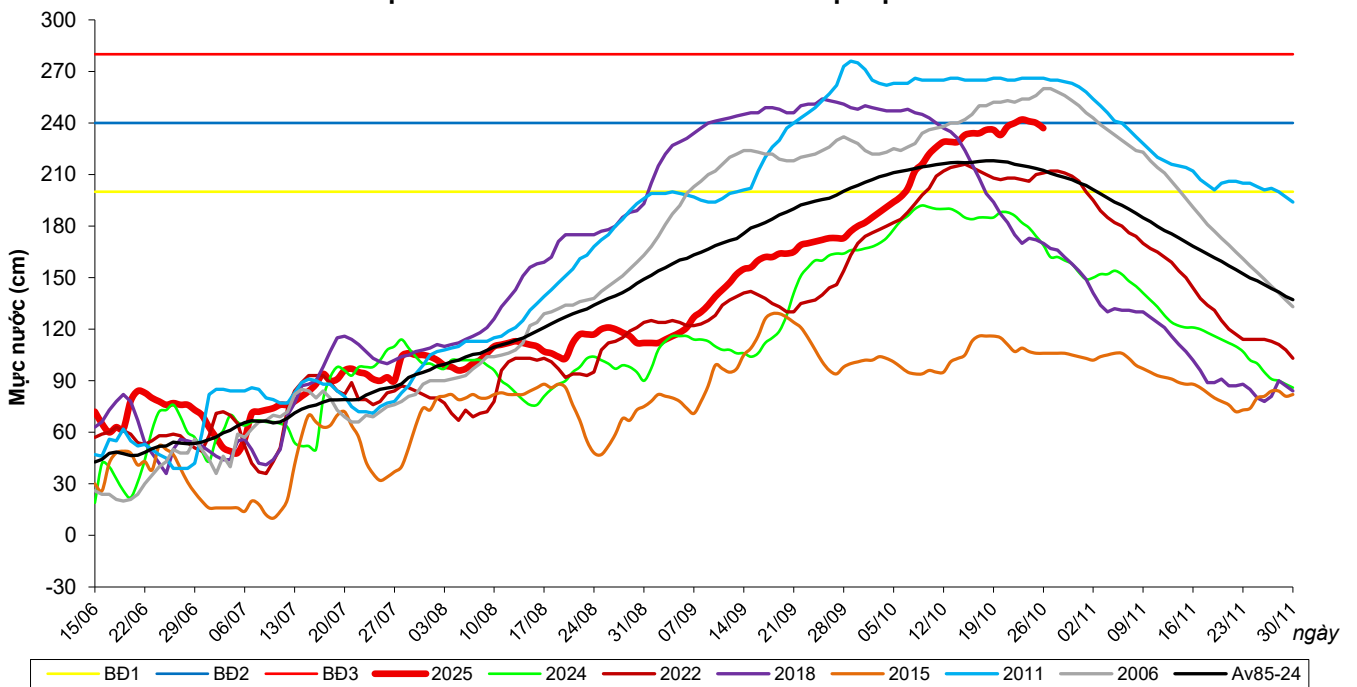
So với cùng kỳ 2024: 57 cm

So với cùng kỳ 2022: 19 cm

So với cùng kỳ 2018: 52 cm

So với TBNN: 11 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Tri Tôn tại trạm Tri Tôn năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 237 cm

So với cùng kỳ 2024: 68 cm

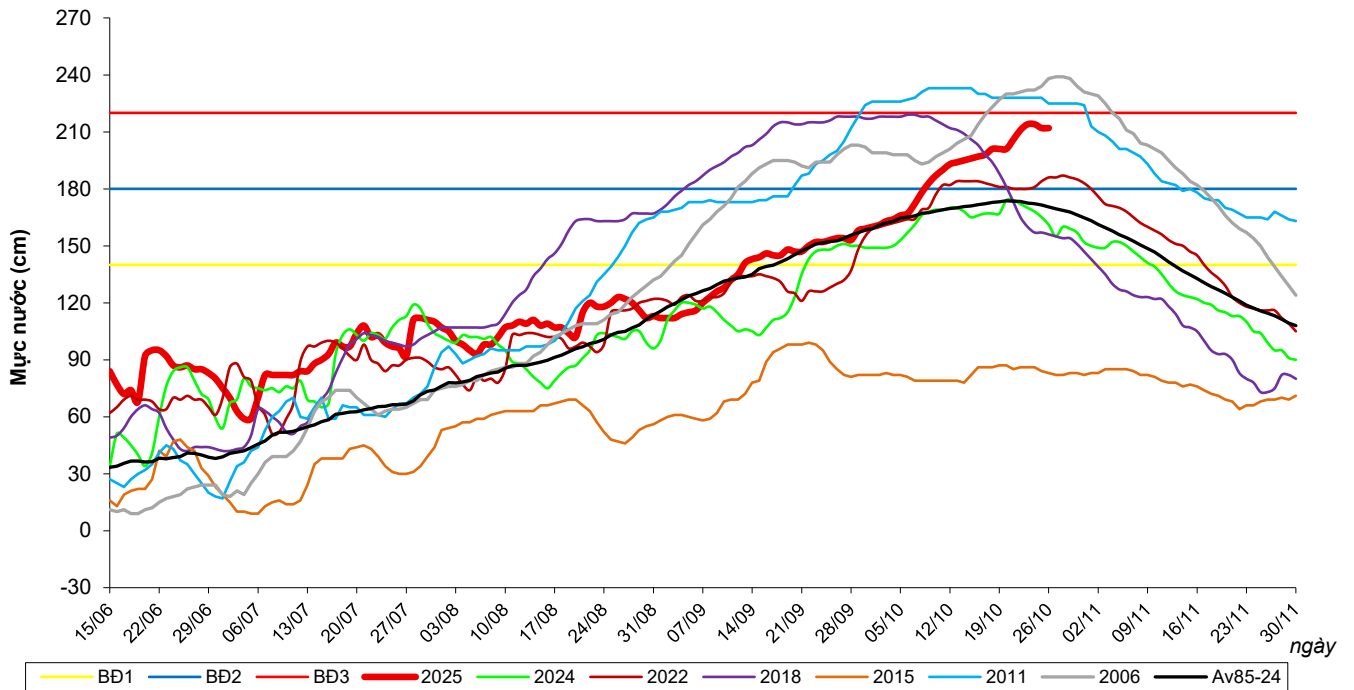
So với cùng kỳ 2022: 26 cm

So với cùng kỳ 2018: 67 cm

So với TBNN: 25 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Tri Tôn tại trạm Cô Tô năm 2025



Mực nước cao nhất ngày:

26/10 212 cm

So với cùng kỳ 2024:

51 cm

So với cùng kỳ 2022:

26 cm

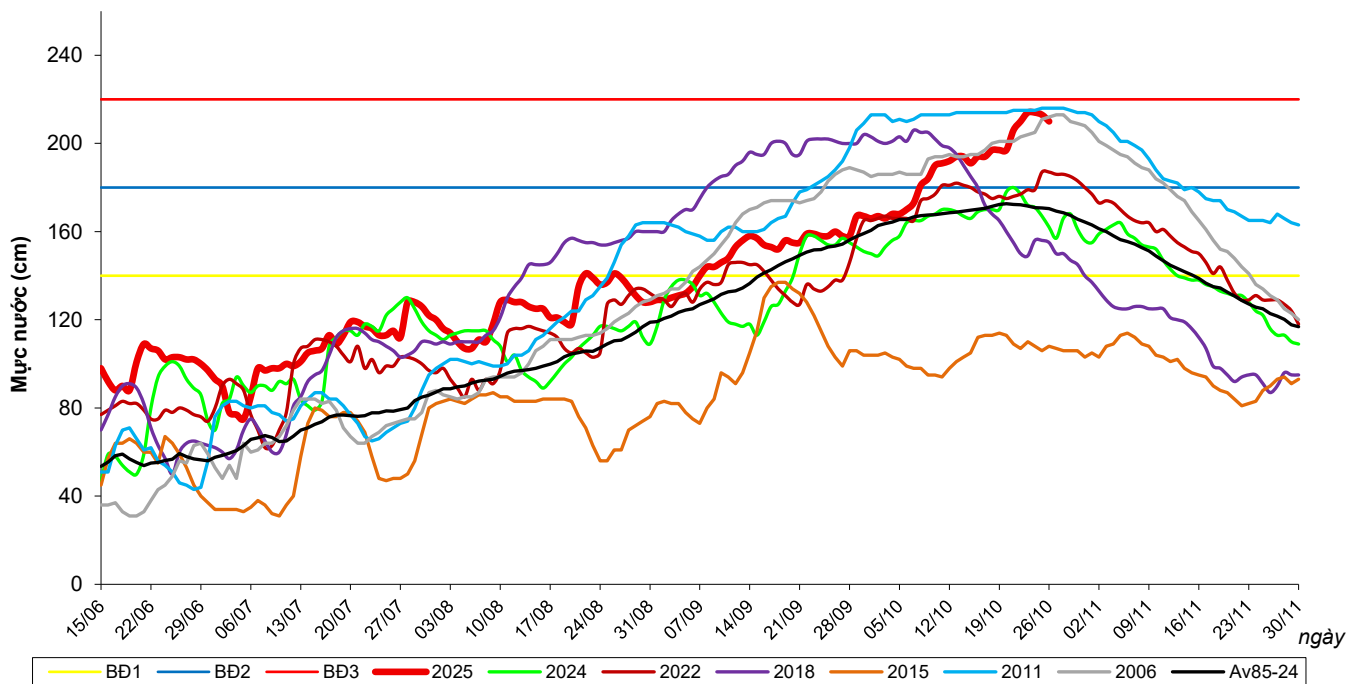
So với cùng kỳ 2018:

56 cm

So với TBNN:

42 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Ba Thê tại trạm Vọng Thê năm 2025



Mực nước cao nhất ngày:

26/10 210 cm

So với cùng kỳ 2024:

48 cm

So với cùng kỳ 2022:

23 cm

So với cùng kỳ 2018:

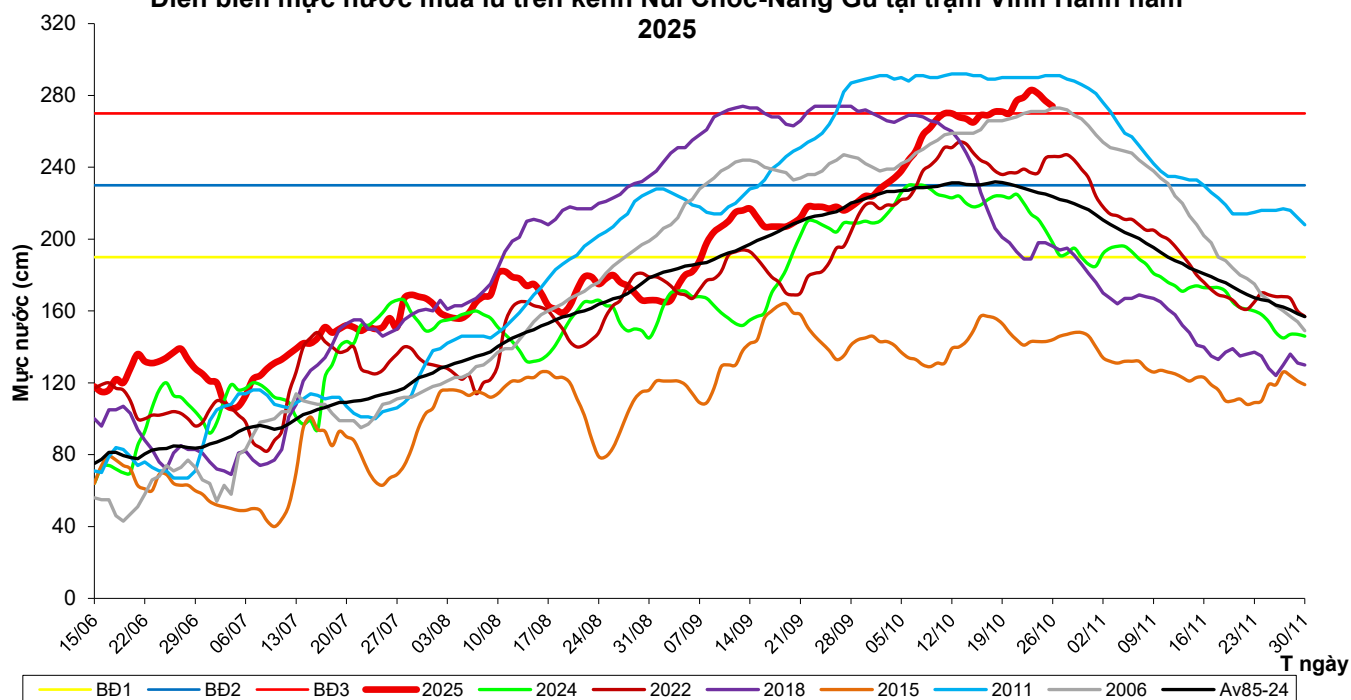
55 cm

So với TBNN:

40 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Núi Chóc-Năng Gò tại trạm Vĩnh Hanh năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 274 cm

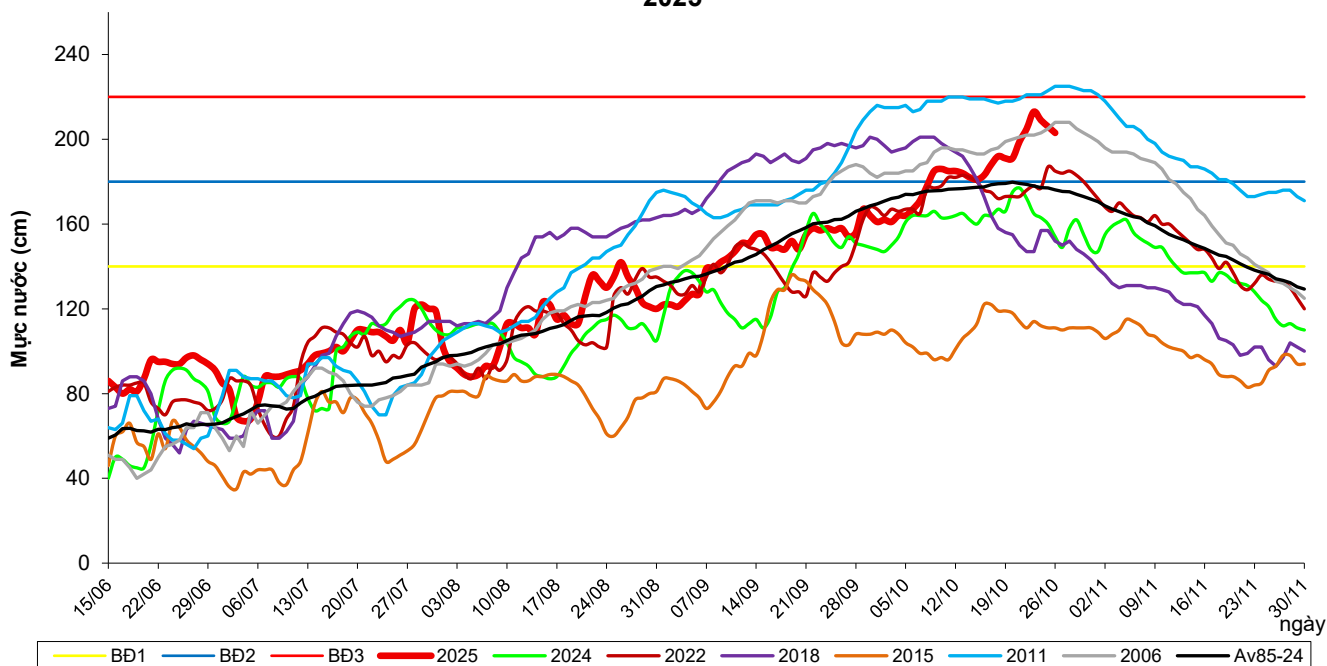
So với cùng kỳ 2024: 76 cm

So với cùng kỳ 2022: 28 cm

So với cùng kỳ 2018: 78 cm

So với TBNN: 50 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Rạch Giá-Long Xuyên tại trạm Núi Sập năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 203 cm

So với cùng kỳ 2024: 49 cm

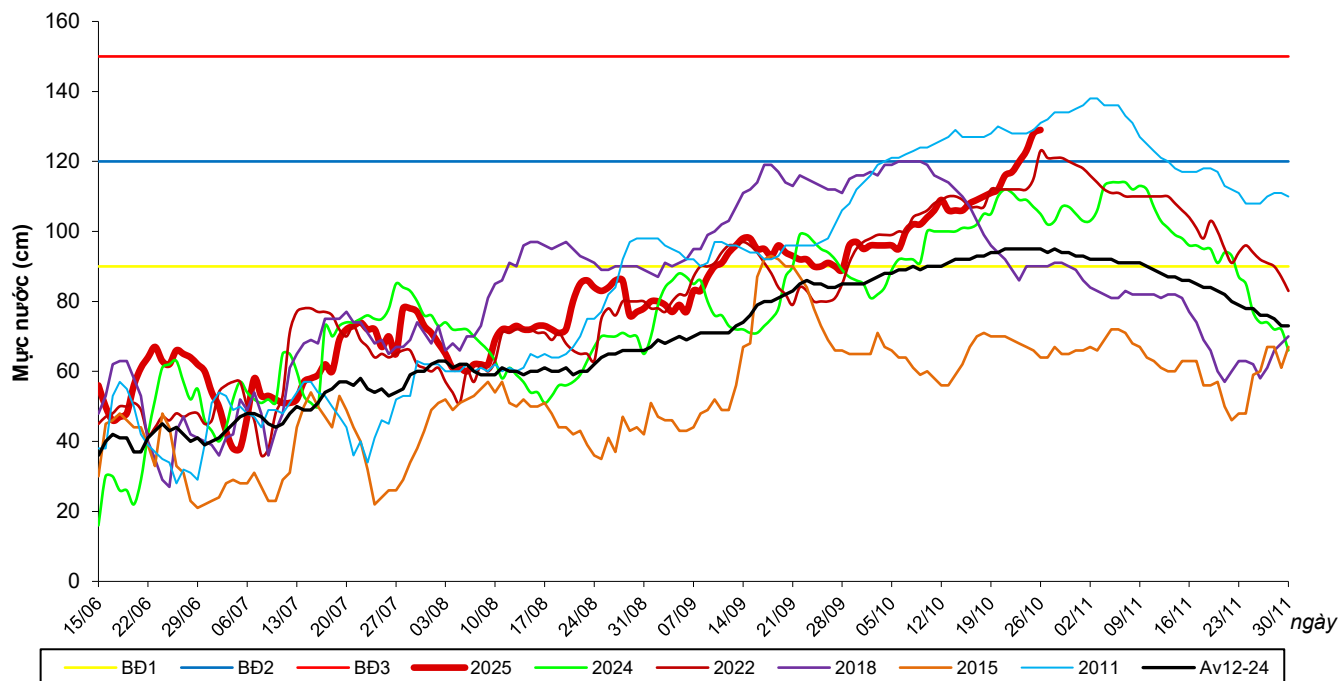
So với cùng kỳ 2022: 18 cm

So với cùng kỳ 2018: 51 cm

So với TBNN: 27 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên kênh Cái Sắn tại trạm Tân Hiệp năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 105 cm

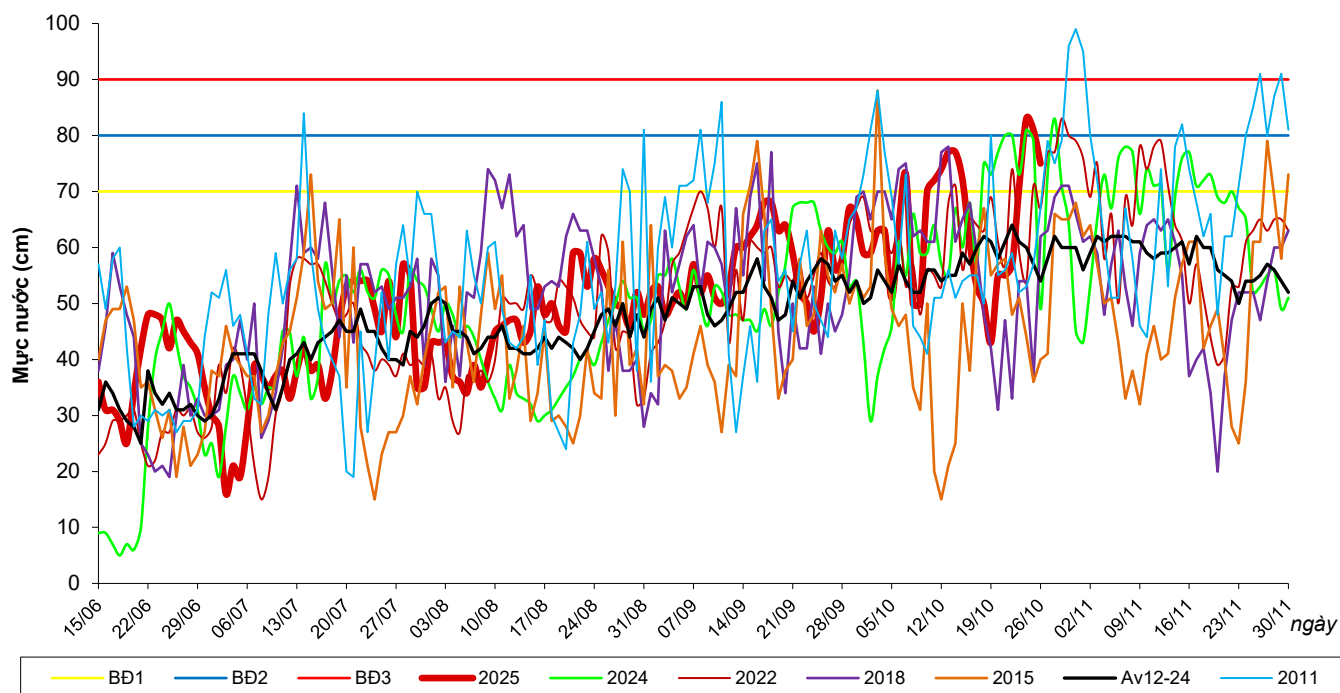
So với cùng kỳ 2024: -18 cm

So với cùng kỳ 2022: 15 cm

So với cùng kỳ 2018: 41 cm

So với TBNN: 10 cm

Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Kiên tại trạm Rạch Giá năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 67 cm

So với cùng kỳ 2024: 5 cm

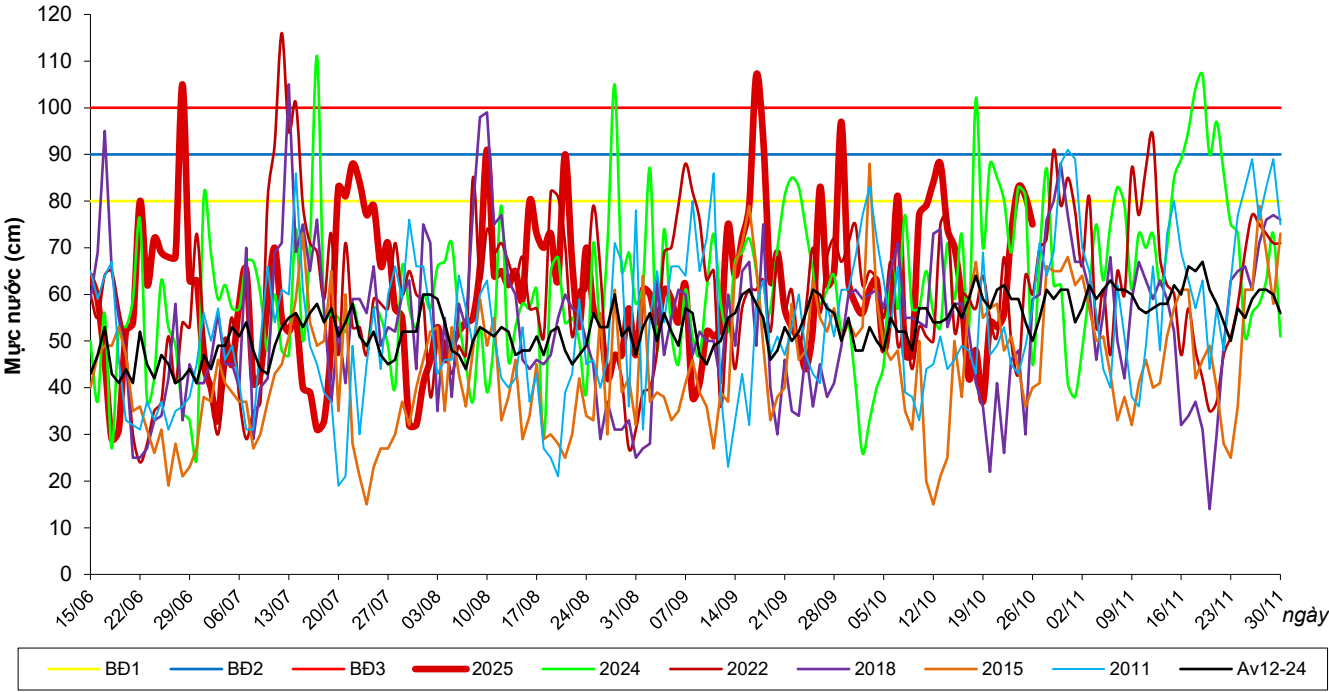
So với cùng kỳ 2022: 27 cm

So với cùng kỳ 2018: 0 cm

So với TBNN: -83 cm

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

Diễn biến mực nước mùa lũ trên sông Cái Lớn tại trạm Xẻo Rô năm 2025



Mực nước cao nhất ngày: 26/10 59 cm

So với cùng kỳ 2024: 22 cm
So với cùng kỳ 2022: 2 cm
So với cùng kỳ 2018: 9 cm
So với TBNN: -21 cm